

V/v công bố thông tin theo quy định  
tại Nghị định số 47/2021/NĐ-CP

Kính gửi:

- Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
- Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Cục Phát triển doanh nghiệp);
- Bộ Công Thương (Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp);
- Bộ Tài chính.

Thực hiện quy định tại Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp, trong đó có quy định về công bố thông tin của Doanh nghiệp Nhà nước.

Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia kính báo cáo Tập đoàn Điện lực Việt Nam; Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Cục Phát triển doanh nghiệp); Bộ Công Thương (Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp); Bộ Tài chính.

Các thông tin được quy định tại mẫu Biểu số 2, Phụ lục II của Nghị định số 47/2021/NĐ-CP về nội dung mục tiêu tổng quát, kế hoạch kinh doanh năm 2023 của Tổng công ty Truyền tải điện quốc gia.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Ban PC (để biết);
- Ban Truyền thông (thực hiện theo văn bản 2574/EVNNPT-KH ngày 07/7/2021);
- Lưu: VT, KH.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Phạm Lê Phú**

**Phụ lục**  
**Báo cáo mục tiêu tổng quát, kế hoạch SXKD - ĐTXD - tài chính năm 2023**  
**của EVNNPT theo Biểu số 2 Phụ lục II Nghị định số 47/2021/NĐ-CP**  
*(Kèm theo Quyết định số: 34/QĐ-HĐTV ngày 24/02/2023)*

Theo Quyết định số 1854/QĐ-EVN ngày 31/12/2022 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) về việc giao kế hoạch sản xuất kinh doanh - đầu tư xây dựng - tài chính năm 2023 cho Tổng công ty Truyền tải điện quốc gia (EVNNPT), các mục tiêu tổng quát và nhiệm vụ kế hoạch năm 2023, các chỉ tiêu chính kế hoạch năm 2023 về SXKD - ĐTXD như sau:

**I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT VÀ NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH NĂM 2023**

Các mục tiêu tổng quát và nhiệm vụ kế hoạch năm 2023 của EVNNPT như sau:

**I.1. Các chỉ tiêu, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh:**

**1. Nâng cao hiệu quả kinh doanh**

Chỉ tiêu giảm chi phí SXKD

- Thực hiện tổn thất truyền tải không cao hơn chỉ tiêu kế hoạch giao.
- Chi phí truyền tải không cao hơn kế hoạch.
- Tiết kiệm 10% chi phí theo định mức (vật liệu, dịch vụ mua ngoài, chi phí khác bằng tiền, chi phí phát triển khách hàng, chi phí công tơ, chăm sóc khách hàng và truyền thông), chi phí sửa chữa lớn (tạm thực hiện giá trị sửa chữa lớn bằng kế hoạch năm 2022 cho đến khi cấp có thẩm quyền thông qua/phê duyệt việc điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân).

**2. Nâng cao hiệu quả vận hành hệ thống**

Đạt chỉ tiêu về suất sự cố KH giao năm 2023.

**3. Nâng cao năng suất lao động**

- Hoàn thành kế hoạch chuyển trạm biến áp 220kV sang không người trực năm 2023.

- Thực hiện đạt và vượt năng suất lao động giao năm 2023.

**4. Nâng cao hiệu quả tài chính**

- Đảm bảo hoạt động SXKD có lãi đạt và vượt kế hoạch.
- Hệ số bảo toàn vốn  $\geq 1$ ;
- Khả năng thanh toán ngắn hạn  $> 1$ ;
- Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu  $\leq 3$  lần.

**5. Tăng hiệu quả sử dụng nguồn vốn:**

- Hoàn thành 100% kế hoạch sửa chữa lớn;
- Thanh xử lý 100% VTTB tồn đọng, kém mất phẩm chất;
- Không để xảy ra tình trạng đầy tải và quá tải dài hạn.
- Tăng hiệu quả trong công tác đấu thầu.

### **I.2. Các nhiệm vụ đầu tư xây dựng:**

- Thực hiện tiết kiệm chống lãng phí trong ĐTXD: tiết kiệm vốn đầu tư 10% căn cứ theo giá trị quyết toán so với TMĐT được duyệt; Áp dụng thiết kế chuẩn và suất đầu tư đối với lưới điện phân phối; Thực hiện phân tích kinh tế tài chính các dự án lưới điện; không xây dựng trụ sở mới đối với các đơn vị đã có trụ sở; Tăng cường đấu thầu rộng rãi công khai.

- Kiểm soát lập, trình, duyệt dự án/công trình và quản lý chi phí;
- Quản lý tiến độ và chất lượng công trình; Tập trung đẩy nhanh tiến độ các công trình trọng điểm, cấp bách.
- Thực hiện quyết toán đúng thời gian quy định;
- Đảm bảo an toàn trong đầu tư xây dựng: không để xảy ra cháy, nổ dẫn đến hư hỏng công trình/ hạng mục công trình hoặc thiết bị chính thuộc dự án đầu tư; không để xảy ra tai nạn chết người trên công trường.

### **I.3. Các nhiệm vụ quản trị doanh nghiệp:**

- Cải cách thể chế, cải cách hành chính;
- Thực hiện công bố thông tin đầy đủ và đúng hạn theo NĐ 47/2021/NĐ-CP;
- Thực hiện thoái vốn theo kế hoạch được duyệt;
- Nâng cao hiệu quả sử dụng lao động;
- Đảm bảo công tác môi trường của các công trình điện;
- Nâng cao hiệu quả công tác truyền thông;
- Thực hiện các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ và bảo vệ môi trường;
- Thực hiện công tác báo cáo.

### **I.4. Nhiệm vụ thực hiện chủ đề năm:**

Thực hiện các nhiệm vụ Chủ đề năm 2023 là “**Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí**” với mục tiêu đảm bảo cung cấp đủ điện cho phát triển kinh tế - xã hội, tiết giảm chi phí, tăng doanh thu, đảm bảo khả năng cân đối tài chính, phát triển bền vững và hiệu quả các hoạt động của Tổng công ty.

## **II. KẾ HOẠCH SXKD VÀ ĐTXD NĂM 2023**

Các chỉ tiêu chính kế hoạch năm 2023 về SXKD - ĐTXD của EVNNPT như sau:

### CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH SXKD - ĐTXD NĂM 2023

| STT | Nội dung                       | Đơn vị tính | Kế hoạch 2023 |
|-----|--------------------------------|-------------|---------------|
| 1   | Số công trình khởi công        | công trình  | 39            |
| 2   | Số công trình đóng điện        | công trình  | 61            |
| 3   | Tổng giá trị thực hiện đầu tư  | tỷ đồng     | 19.237        |
| 3.1 | Giá trị đầu tư xây dựng thuần  | tỷ đồng     | 13.035        |
| 3.2 | Trả nợ gốc và lãi vay ĐTXD     | tỷ đồng     | 6.202         |
| 4   | Sản lượng điện truyền tải      | Tỷ kWh      | 221,8         |
| 5   | Tổn thất điện năng thực hiện / | %           |               |
|     | kế hoạch                       |             | 2,15          |
| 6   | Giá trị sửa chữa lớn           | tỷ đồng     | 827,334       |

### KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NĂM 2023

*Đơn vị: triệu đồng*

| TT  | Hạng mục              | NGUỒN VỐN HUY ĐỘNG |                |           |            |       | Tổng đầu tư năm 2023 | Chia ra   |           |              |
|-----|-----------------------|--------------------|----------------|-----------|------------|-------|----------------------|-----------|-----------|--------------|
|     |                       | Vốn nước ngoài     | Vốn trong nước |           |            |       |                      | Xây lắp   | Thiết bị  | Chi phí khác |
|     |                       |                    | Tổng           | TDTM      | Tự có      | Khác  |                      |           |           |              |
|     | Tổng đầu tư           | 0                  | 19.237.910     | 6.139.969 | 13.088.116 | 9.825 | 19.237.910           | 6.374.492 | 4.123.501 | 8.739.917    |
|     | Trả nợ gốc và lãi vay | 0                  | 6.202.428      |           | 6.202.428  |       | 6.202.428            |           |           | 6.202.428    |
|     | Đầu tư thuần          | 0                  | 13.035.482     | 6.139.969 | 6.885.688  | 9.825 | 13.035.482           | 6.374.492 | 4.123.501 | 2.537.489    |
| A   | Lưới điện             | 0                  | 12.407.890     | 6.139.969 | 6.258.096  | 9.825 | 12.407.890           | 6.250.749 | 3.703.508 | 2.453.632    |
| A.1 | Lưới điện 500 kV      | 0                  | 4.328.330      | 2.436.270 | 1.882.234  | 9.825 | 4.328.330            | 1.918.336 | 1.461.356 | 948.637      |
| A.2 | Lưới điện 220 kV      | 0                  | 7.837.424      | 3.703.699 | 4.133.725  |       | 7.837.424            | 4.299.074 | 2.047.193 | 1.491.157    |
| A.3 | Lưới điện 110 kV      | 0                  | 242.137        |           | 242.137    |       | 242.137              | 33.339    | 194.959   | 13.839       |
| B   | Công trình khác       | 0                  | 627.592        |           | 627.592    |       | 627.592              | 123.743   | 419.992   | 83.857       |